

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST
Ngày 05-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Xuân Mung

Ông Phùng Văn Chát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty X TNHH Một thành viên; địa chỉ: Số 15 L, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Đặng Duy Q; cư trú tại: Số 64/1M, đường D3, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 01 năm 2018). Có mặt.

- Ông Dương Ngọc T; cư trú tại: Số 491/18 H, phường 14, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 4 năm 2018). Vắng mặt.

- Ông Kiều Công T; cư trú tại: Số 49 N, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 4 năm 2018). Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thành V; cư trú tại: Số 7.10, chung cư A, phường A, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 4 năm 2018). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ: Số 96, đường bao T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Xuân C; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2017; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Duy Q và ông Nguyễn Thành V thống nhất trình bày:

Ngày 12 tháng 5 năm 2010, Công ty X - Petrolimex SaiGon (nay là Công ty X TNHH Một thành viên) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (sau đây gọi tắt là Công ty P) ký hợp đồng bán dầu tái xuất cho tàu biển với nội dung: Bên A (Công ty X TNHH Một thành viên, sau đây gọi tắt là Công ty X) đồng ý bán xăng dầu cho bên B (Công ty P) theo phương thức đại lý bao tiêu, loại hàng là dầu Diesel (DO) và dầu Mazut (FO), số lượng căn cứ theo đơn đặt hàng của bên B tại từng thời điểm. Khi bên B có nhu cầu mua hàng, bên A sẽ thông báo giá bằng văn bản cho bên B theo từng lô hàng tại từng thời điểm cụ thể. Văn bản thông báo giá được coi là một phụ lục không thể tách rời của hợp đồng và là cơ sở để thanh toán tiền hàng giữa các bên; thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày, kể từ ngày giao hàng; việc thanh toán được thực hiện qua hình thức chuyển khoản. Trường hợp bên B mua hàng cho tàu Việt Nam chạy tuyến nước ngoài, thanh toán bằng Việt Nam đồng hoặc đồng đô la Mỹ; tỷ giá quy đổi được tính theo tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

Thực hiện hợp đồng trên, trong các ngày từ 14 đến 29 tháng 5 năm 2010, Công ty X đã giao cho Công ty P số lượng nhiên liệu với giá trị cụ thể như sau:

- Ngày 14 tháng 5 năm 2010: Giao 49,996 tấn dầu DO 0.25%S trị giá 36.547,05 USD.

- Ngày 15 tháng 5 năm 2010: Giao 149,393 tấn dầu FO 3.5%S trị giá 77.236,18 USD.

- Ngày 29 tháng 5 năm 2010: Giao 99,389 tấn dầu DO 0.25%S trị giá 70.268,02 USD và 199,340 tấn dầu FO 3.5%S trị giá 100.866,04 USD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán cho Công ty X tổng cộng 2.942.350.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 18 tháng 5 năm 2010, thanh toán 900.000.000 đồng tương đương 47.343,50 USD bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex.

- Ngày 27 tháng 5 năm 2010, thanh toán 1.750.000.000 đồng tương đương 92.008,41 USD bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex.

- Ngày 30 tháng 9 năm 2010, thanh toán 292.350.000 đồng tương đương 14.992,22 USD bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Sau khi thanh toán khoản tiền trên, Công ty X và Công ty P đã ký bảng đối chiếu công nợ, theo đó Công ty P còn nợ Công ty X số tiền 130.573,10 USD. Từ đó đến nay, mặc dù đã được đôn đốc nhiều lần nhưng Công ty P vẫn không thanh toán cho Công ty X số tiền còn nợ. Vì vậy, Công ty X khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty X số tiền mua bán dầu còn thiếu là 2.982.289.604 đồng tương đương 130.573,10 USD (theo tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm).

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đỗ Xuân C - Giám đốc Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án và không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ngày 12 tháng 5 năm 2010, Công ty X ký hợp đồng bán dầu tái xuất cho tàu biển với Công ty P; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty X đã giao cho Công ty P 498,118 tấn dầu DO và FO với tổng trị giá là 284.917,29 USD. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán cho Công ty X 2.942.350.000 đồng; đồng thời các bên đã có bản đối chiếu công nợ, thể hiện Công ty P còn nợ Công ty X 130.573,10 USD. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty X về việc buộc Công ty P phải thanh toán số tiền mua bán dầu còn thiếu là 130.573,10 USD (được quy đổi thành Việt Nam đồng theo tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm xét xử) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xử chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty P có trụ sở tại số 96, đường bao T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[4] Hợp đồng bán dầu tái xuất cho tàu biển ngày 12 tháng 5 năm 2010 và phụ lục hợp đồng bán dầu tái xuất cho tàu biển ngày 20 tháng 8 năm 2010 giữa Công ty X và Công ty P được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có năng lực hành vi dân sự và có đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Thực hiện hợp đồng nêu trên, Công ty X đã giao cho Công ty P 498,118 tấn dầu DO và FO với tổng trị giá là 284.917,29 USD, cụ thể: Ngày 14 tháng 5 năm 2010, giao 49,996 tấn dầu DO 0.25%S trị giá 36.547,05 USD; ngày 15 tháng 5 năm 2010, giao 149,393 tấn dầu FO 3.5%S trị giá 77.236,18 USD; ngày 29 tháng 5 năm 2010, giao 99,389 tấn dầu DO 0.25%S trị giá 70.268,02 USD và 199,340 tấn dầu FO 3.5%S trị giá 100.866,04 USD. Việc giao nhận được các bên lập thành biên bản, có chữ ký của bên nhận và bên giao; đơn giá và tổng giá trị hàng hóa được thể hiện qua văn bản thông báo giá, tờ khai hàng hóa xuất khẩu và hóa đơn giá trị gia tăng của từng đợt xuất hàng.

[6] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán cho Công ty X tổng cộng 2.942.350.000 đồng qua hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex vào các ngày 18 tháng 5 năm 2010, 27 tháng 5 năm 2010 và 30 tháng 9 năm 2010.

[7] Năm 2011, Công ty X và Công ty P đã nhiều lần tiến hành đối chiếu công nợ chi tiết, trong đó thể hiện Công ty P còn nợ Công ty X số tiền 130.573,10 USD. Bảng đối chiếu công nợ có chữ ký của ông Đỗ Xuân C - là người đại diện theo pháp luật của Công ty P và đóng dấu của Công ty P.

[8] Theo xác nhận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn là ngân hàng nơi mở tài khoản của Công ty X,

ngoài số tiền 2.650.000.000 đồng Công ty P đã chuyển vào tài khoản của Công ty X vào các ngày 18 và 27 tháng 5 năm 2010 thì tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn không tìm thấy khoản tiền nào khác của Công ty P chuyển thêm vào tài khoản của Công ty X.

[9] Theo cung cấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá bán giữa đồng đô-la Mỹ và Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 22.840VND/USD (01 USD tương đương 22.840 Việt Nam đồng). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty X về việc buộc Công ty P phải thanh toán khoản tiền mua bán dầu còn thiếu là 2.982.289.604 đồng tương đương 130.573,10 USD (theo tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm xét xử) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; vì vậy, bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 233, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 122, 124, 280 và 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các điều 292, 306 và 317 của Luật Thương mại;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải thanh toán cho Công ty X TNHH Một thành viên số tiền mua bán dầu còn thiếu là 2.982.289.604 đồng (hai tỷ chín trăm tám mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm lẻ tư đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải nộp 91.645.792 đồng (chín mươi một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Công ty X TNHH Một thành viên 45.690.000 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005600 ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Bích Diệp

